

## NGHỊ QUYẾT

### Quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

b) Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 9/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

## 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài thành phố; tổ chức, cá nhân nước ngoài, hoạt động hoặc tham gia hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật gây ra trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

### **Điều 2. Đối tượng hỗ trợ**

1. Cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, sản xuất muối (sau đây gọi là cơ sở sản xuất) bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Doanh nghiệp vừa và nhỏ bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

### **Điều 3. Mức hỗ trợ**

Đối tượng hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố được hỗ trợ như sau:

1. Mức hỗ trợ đối với cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

a) Diện tích lúa:

Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha;

Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha;

Sau gieo trồng trên 45 ngày: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha.

b) Diện tích mạ:

Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

c) Diện tích cây hằng năm khác:

Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng): Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha;

Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng): Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha;

Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng): Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha.

d) Diện tích cây trồng lâu năm:

Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 12.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha;

Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha;

Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha;

Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

2. Mức hỗ trợ đối với lâm nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

a) Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 8.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha.

b) Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha.

c) Diện tích vườn giống, rừng giống: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 10.000.000 đồng/ha.

d) Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:

Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha, thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 20.000.000 đồng/ha.

Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi: Thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha, thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

3. Mức hỗ trợ đối với thủy sản bị thiệt hại do thiên tai (bao gồm nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản)

a) Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao (đầm/hầm):

Hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

b) Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè:

Hỗ trợ 30.000.000 đồng/100 m<sup>3</sup> thể tích nuôi bị thiệt hại.

c) Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác:

Hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

4. Mức hỗ trợ đối với vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) do thiên tai

a) Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bò câu) đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 23.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 38.000 đồng/con.

b) Chim cú đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 4.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 8.000 đồng/con.

c) Heo đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 550.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 1.060.000 đồng/con; heo nái và heo đực đang khai thác, hỗ trợ 3.000.000 đồng/con.

d) Bê cái hướng sữa đến 06 tháng tuổi, hỗ trợ 3.000.000 đồng/con; bò sữa trên 06 tháng tuổi, hỗ trợ 8.050.000 đồng/con.

đ) Trâu, bò thịt, ngựa đến 06 tháng tuổi, hỗ trợ 2.250.000 đồng/con; trên 06 tháng tuổi, hỗ trợ 5.050.000 đồng/con.

e) Hươu sao, cừu, dê, đà điểu, hỗ trợ 1.750.000 đồng/con.

g) Thỏ đến 28 ngày tuổi, hỗ trợ 40.000 đồng/con; trên 28 ngày tuổi, hỗ trợ 60.000 đồng/con.

h) Ong mật (đàn), hỗ trợ 400.000 đồng/đàn.

5. Mức hỗ trợ đối với sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai (bao gồm diện tích đang sản xuất hoặc diện tích có muối đã được tập kết trên ruộng)

Diện tích sản xuất muối: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 4.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 3.000.000 đồng/ha.

#### **Điều 4. Mức hỗ trợ đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ**

Doanh nghiệp vừa và nhỏ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố: Mức hỗ trợ bằng 1,0 (một) lần mức hỗ trợ quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

#### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ (trừ đối tượng doanh nghiệp vừa và nhỏ có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản, sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật).

2. Ngân sách địa phương, Quỹ phòng chống thiên tai và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc triển khai Nghị quyết được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; sử dụng trong phạm vi dự toán chi thường xuyên đã được giao hằng năm cho các cơ quan, đơn vị liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 02 năm 2026.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 10 tháng 02 năm 2026./.*

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBNDTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- TT. Điều hành đô thị thông minh;
- TT. Lưu trữ lịch sử thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT.HV

**CHỦ TỊCH**

**Đồng Văn Thanh**